TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 839/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 10 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ẩn

2- Ông Lại Hữu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 04 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 848/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 719/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Lầu X, Nam Kỳ Khởi N, Phường V, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng (S): Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (S): Ông **Lê Ngọc T**. Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Nợ và khai thác Tài sản Ngân hàng S (Sacombank SBA CO., LTD) (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-Pl ngày 12/10/2022 của Tổng Giám đốc).

Ông Lê Ngọc T ủy quyền lại cho ông **Trần Gia T**. Chức vụ: Nhân viên Công Ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai Thác Tài Sản Ngân hàng S, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 4280/2024/UQ-TGĐ ngày 28/05/2024). (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Bửu L**, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: A15/28C Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 05 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 11/05/2016, ông L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập củ ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi nhận thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 25.894.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 26.910.000 đồng thì ngưng, qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngày 01/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và

chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 05/04/2023 thì ông L còn nợ Ngân hàng số tiền 27.199.517 đồng (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.159.451 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông Nguyễn Bửu L phải thanh toán số tiền 33.168.046 đồng (tạm tính đến ngày 09/10/2024) (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.127.980 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa ông Trần Gia T vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt.

Bị đơn – ông Nguyễn Bửu L đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt tại địa chỉ: A15/28C Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Bửu L vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, ông L không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Bửu L vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Bửu L có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/05/2016 với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 2,15% ông L có kích hoạt thẻ sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa bị đơn - ông Nguyễn Bửu L vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, ông L phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Bửu L, địa chỉ cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn - ông Nguyễn Bửu L vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn – ông Nguyễn Bửu L phải thanh toán số tiền 33.168.046 đồng (tạm tính đến ngày 09/10/2024) (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.127.980 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[5] Toà án nhân dân Quận 10 thụ lý số 198 ngày 25/05/2023 theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Bửu L về việc thanh toán nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng. Theo phiếu xác minh số: 625/XM-TA ngày 20/7/2023 gởi Công an xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: "Đương sự Nguyễn Bửu L – sinh năm: 1967 hiện cư trú tại địa chỉ: A15/28C, ấp X, xã Q, huyện B từ tháng 7/2021 đến nay". Do đó, TAND Quận 10 chuyển toàn bộ hồ sơ về TAND huyện Bình Chánh thụ lý theo thẩm quyền. TAND huyện Bình Chánh gửi công văn số 2693/TAHBC ngày 24/7/2024 đề nghị Công an xã Qui Đức xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Bửu L thì có kết quả xác minh như sau: "Nguyễn Bửu L, sinh năm: 1967 không đăng ký thường trú, tạm trú tại A15/28C Ấp X, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh". Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/05/2016 mà bị đơn đã ký với nguyên đơn có ghi địa chỉ của bị đơn cư trú: 395/864 Vĩnh V, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định bị đơn theo địa chỉ ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản, nếu có thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mới mà không thông báo cho người giao dịch hoặc ký hợp đồng biết về nơi cư trú, làm việc mới đó thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung là đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/05/2016, số thẻ: 472074-7720 (loại thẻ Visa), hạn mức: 15.000.000 đồng, lãi suất áp dụng: 2,15%/tháng, bị đơn đã thực hiện kích hoạt thẻ, giao dịch với số tiền tổng cộng là 25.894.900 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 26.910.000 đồng thì ngưng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định tại các điều khoản ghi trong hợp đồng nên ngày 01/12/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 09/10/2024 thì bị đơn còn nợ 33.168.046 đồng (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.127.980 đồng). Do đó, có cơ sở xem xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, không cung cấp hay thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao; Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 33.168.046 đồng (tạm tính đến ngày 09/10/2024) (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.127.980 đồng), ngoài ra bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Nguyễn Bửu L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 33.168.046 đồng (Ba mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng) (tạm tính đến ngày 09/10/2024) (trong đó nợ gốc: 10.040.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.127.980 đồng)

- Buộc ông Nguyễn Bửu L còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí: Ông Nguyễn Bửu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.658.402 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm linh hai đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 679.988 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng)

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0035021 ngày 24/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chpí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

Nơi nhận:
- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).